

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HS-ST

Ngày 16 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đăng Thanh - Nghề nghiệp: Cán bộ

Ông Phạm Đức Hoàn - Nghề nghiệp: Giáo viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020, đối với bị cáo:

Bùi Xuân A; sinh ngày 19 tháng 7 năm 2002; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Làng E, xã F, huyện G, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn A; con bà: Bùi Thị B; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 04/4/2020 đến ngày 07/4/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/4/2020 đến nay. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Bùi Thị B; sinh năm: 1967; nơi cư trú: Làng E, xã F, huyện G, tỉnh Thanh Hóa. Là mẹ của bị cáo. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị K Vân, Trợ giúp viên pháp lý, chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02, Kịch Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- Bị hại: Chị Lê Thị Hải C; sinh ngày: 03/3/2003; nơi cư trú: Làng H, xã I, huyện G, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Phạm Thị D; sinh năm: 1963; nơi cư trú: Làng E, xã F, huyện G, tỉnh Thanh Hóa. Là bà ngoại của bị hại. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ *Người làm chứng:*

1. Chị Bùi Thị **K**; sinh ngày: 25/01/2003; nơi cư trú: Làng **E**, xã **F**, huyện **G**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

2. Anh Lê Thái **L**; sinh năm: 1997; nơi cư trú: Thôn **O**, xã **F**, huyện **G**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

3. Anh Lê Văn **M**; sinh ngày: 03/3/2001; nơi cư trú: Thôn **O**, xã **F**, huyện **G**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

4. Anh Lê Văn **N**; sinh năm: 1981; nơi cư trú: Làng **H**, xã **I**, huyện **G**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

5. Ông Bùi Văn **A**; sinh năm: 1964; nơi cư trú: Làng **E**, xã **F**, huyện **G**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 13/9/2019, Bùi Xuân **A** ở làng **E**, xã **F**, huyện **G**, tỉnh Thanh Hóa đi bộ từ nhà đến đoạn đường gần nhà chị Bùi Thị **K** ở cùng thôn thì nhìn thấy chị **K** cùng với chị Lê Thị Hải Yến ở làng Sùng, xã **I**, huyện Ngọc Lặc vừa chở nhau ra khỏi nhà để đi học, lúc đó khoảng 06 giờ 45 phút. Biết nhà chị **K** không có người nên đã nảy sinh ý định vào nhà để trộm cắp tài sản. Quan sát xung quanh không có người, **A** đi theo lối cầu thang nằm bên ngoài để lên sân thượng, lật tấm bờ lu xi măng đây ông thông khói trèo vào bếp nhà chị **K**. Sau đó, **A** vào phòng ngủ lục đồ đạc tìm tài sản nhưng không thấy gì, nên đi ra phòng khách thì tìm thấy một chùm chìa khóa để trên ghế gỗ, trong đó có một chiếc chìa khóa xe máy mà trước đó **A** đã nhìn thấy dựng trước sân nhà chị **K**. **A** lấy chìa khóa xe máy rồi mở cửa bên hông nhà đi ra ngoài sân dùng chiếc chìa khóa vừa lấy được để mở khóa điện xe máy biển kiểm soát 36AB-013.61 của chị Lê Thị Hải **C** ở làng **H**, xã **I**, huyện **G** rồi ngồi lên xe, đẩy cho xe chạy trôi theo dốc ra ngoài đường dân sinh rồi nổ máy và điều khiển xe đi đến làng Xăm, xã **F**, huyện Ngọc Lặc rủ Lê Văn **M** đi chơi. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì rủ **M** đi bán xe (Huế không biết được xe máy biển kiểm soát 36AB-013.61 là xe do **A** trộm cắp mà có) cho các quán ở xã Kiên Thọ, huyện **G** (không nhớ tên quán) nhưng không bán được do không có giấy tờ nên **A** về nhà Huế ăn cơm và nghỉ trưa. Khoảng 13 giờ cùng ngày một mình **A** điều khiển xe máy BKS 36AB-013.61 đến quán của anh Lê Thái **L** ở thôn Nguyệt Tiến, xã **F**, huyện **G** hỏi bán, anh **L** đồng ý mua với giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) trong lúc đợi **L** đi lấy tiền thì **A** bị Công an xã **F** bắt.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 30/KL-HĐĐG ngày 24/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện **G**, tỉnh Thanh Hóa kết luận chiếc xe máy BKS 36AB-013.61 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 8.025.000đ (Tám triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSNL ngày 20 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện **G**, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Bùi

Xuân **A** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 101 BLHS để xử phạt Bùi Xuân **A** mức án tù từ 06 đến 09 tháng tù, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận: Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 13/9/2019, bị cáo đi bộ từ nhà đến đoạn đường gần nhà chị **K** ở cùng thôn thì nhìn thấy chị **K** cùng với chị Yến vừa chở nhau ra khỏi nhà để đi học. Quan sát xung quanh không có người, bị cáo đi theo lối cầu thang nằm bên ngoài để lên sân thượng, lật tấm bờ lu xi măng đây ông thông khói treo vào bếp nhà chị **K**. Sau đó, bị cáo vào phòng ngủ lục đồ đạc tìm tài sản nhưng không thấy gì, nên đi ra phòng khách thì tìm thấy một chùm chìa khóa để trên ghế gỗ, trong đó có một chiếc chìa khóa xe máy. Bị cáo lấy chìa khóa xe máy rồi mở cửa bên hông nhà đi ra ngoài sân dùng chiếc chìa khóa vừa lấy được để mở khóa điện xe máy biển kiểm soát 36AB-013.61 rồi ngồi lên xe, đẩy cho xe chạy trôi theo dốc ra ngoài đường dân sinh rồi nổ máy và điều khiển xe đi đến làng Xăm, xã **F**, huyện Ngọc Lặc rủ anh **M** đi chơi. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì rủ **M** đi bán xe ở xã Kiên Thọ, huyện **G** nhưng không bán được do không có giấy tờ nên bị cáo về nhà anh Huế ăn cơm và nghỉ trưa. Khoảng 13 giờ cùng ngày một mình bị cáo điều khiển xe máy BKS 36AB-013.61 đến quán của anh **L** hỏi bán, anh **L** đồng ý mua với giá 1.500.000đ trong lúc đợi anh **L** đi lấy tiền thì bị cáo bị Công an xã **F** bắt.

Bị hại chị Lê Thị Hải **C** trình bày: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 13/9/2019, chị đi học cùng với chị **K**, do xe không nổ máy được nên chị để chiếc xe máy BKS 36AB-013.61 ở nhà chị **K**. Khi đi học về thì chị phát hiện bị mất chiếc xe máy. Sau đó chị đã báo cáo sự việc với công an xã **F**. Chị đã được nhận lại chiếc xe máy và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Người làm chứng chị Bùi Thị **K**, anh Lê Thái **L** và anh Lê Văn **M** đều thống nhất với lời trình bày của bị cáo và bị hại về sự việc bị cáo lấy trộm chiếc xe máy BKS 36AB-013.61 của bị hại.

Ý kiến trình bày của người bào chữa: Thống nhất với tội danh mà đại diện VKSND đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhận thức còn hạn chế, để áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, xử phạt bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người làm chứng; vật chứng **K** giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Khoảng 06 giờ 45 phút ngày 13/9/2019, Bùi Xuân **A** lợi dụng lúc nhà chị **K** không có ai ở nhà đã có hành vi trộm cắp chiếc xe máy biển kiểm soát 36AB- 013.61, nhãn hiệu VIETTHAI của chị Lê Thị Hải **C**. Tài sản tại thời điểm bị cáo trộm cắp có giá trị: 8.025.000đ (Tám triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ như sau: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo đầu thú đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Ngoài ra, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi đang 17 tuổi 01 tháng 24 ngày nên cần áp dụng khoản 1 Điều 101 BLHS khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra vụ án, khi đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và giao cho người đại diện giám sát của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện **G** thì bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương, không có tin tức gì, cũng không báo cáo với gia đình, chính **N** địa phương và Cơ quan cảnh sát điều tra nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện **G** đã ra Quyết định truy nã đối với bị cáo. Nên cho bị cáo một mức án phù hợp và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Thời gian bị cáo bị tạm giữ sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[5] Về đề nghị của người bào chữa: Áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xét thấy trong quá trình điều tra vụ án, khi đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương, không có tin tức gì, cũng không báo cáo với gia đình, chính quyền địa phương, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan chức năng. Vì vậy, đề nghị áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của người bào chữa là chưa đủ sức răn đe nên không chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì

thêm, nên không xem xét.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ chiếc xe máy biển kiểm soát 36AB- 013.61, nhãn hiệu VIETTHAI. Sau khi định giá tài sản trộm cắp, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, giao trả lại tài sản trên cho chị Lê Thị Hải C là người quản lý, sử dụng hợp pháp là đúng quy định của pháp luật.

[8] Đối với Lê Văn M là người cùng đi bán xe máy biển kiểm soát 36AB- 013.61 với bị cáo nhưng không biết chiếc xe đó là xe do bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 101 BLHS:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Xuân A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bùi Xuân A 07 (Bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày đi thi hành án, được trừ 03 (Ba) ngày bị tạm giữ từ trước.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: bị cáo Bùi Xuân A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị hại; vắng mặt bị hại. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- CQĐT CA huyện **G**;
- CQTHAHS CA huyện **G**;
- VKSND huyện **G**;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- **D HSVA.**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đăng Thanh

Phạm Đức Hoàn

Nguyễn Thanh Tân

